

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

Bản án số: 32/2019/HSST

Ngày 22 - 4 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Xuân Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Minh và ông Nguyễn Văn Cao.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, Thư ký Toà án nhân dân huyện B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà:** Ông Lưu Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HS ngày 01/4/2019, đối với bị cáo: **Phan Thị L (tên gọi khác: D)**; sinh ngày 02 tháng 12 năm 1976 tại huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn phổ thông: lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Nhân Nh và bà Lương Thị V (đều đã chết); chồng: Nguyễn Xuân H, sinh năm 1970; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2010; có 01 tiền án, bị Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình xử phạt 36 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2013/HSST ngày 30/10/2013, chấp hành xong hình phạt ngày 27/9/2016; tiền sự: không; Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 02/01/2019 sau đó chuyển sang tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

**- Bị hại:**

+ Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999; trú tại: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1977; trú tại: Tiểu khu 10, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài L có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07h ngày 17/12/2018, Phan Thị L đi xe buýt từ thành phố Đ ra khu vực chợ H rồi đi bộ đến quầy bán áo quần của chị Nguyễn Thị Thu H để mua áo quần. L cầm chiếc quần vào bên trong chỗ thử áo quần để thử đồ, lúc quay ra L thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NEO 9 của chị H để trên cửa sắt gần cửa ra vào, lợi dụng lúc chị H sơ hở, L lấy chiếc điện thoại di động bỏ vào túi áo ấm rồi đi ra đường bắt xe buýt vào thành phố Đ. L lấy 400.000 đồng chị H để ở sau ốp điện thoại tiêu xài cá nhân. Chiếc điện thoại L đưa cho một người lạ tên gọi là “Cu em” không rõ tên, địa chỉ bán được 400.000 đồng và cho “Cu em” luôn số tiền đó. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thể tìm thấy chiếc điện thoại này.

Khoảng 15h30 ngày 01/01/2019, Phan Thị L đi xe buýt từ Hà Tĩnh vào khu vực chợ H nhằm mục đích trộm cắp tài sản. L đi đến quầy bán chăn, ga, gối, nệm của chị Nguyễn Thị Ánh T giả vờ hỏi mua một số đồ. Lúc xem hàng xong đi ra phía ngoài, L thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 của chị T để trên đồng chắn len, thấy không ai để ý L liền lấy chiếc điện thoại di động đó bỏ vào túi áo rồi ra đường đón xe bus vào lại thành phố Đ. Sáng hôm sau L mang điện thoại di động đó ra khu vực chợ Thanh Khê tìm nơi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 03/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: 01 điện thoại di động Oppo Neo 9, màu vàng có giá 3.048.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng đồng có giá 4.401.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Phan Thị L chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu H và chị Nguyễn Thị Ánh T là 7.849.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Ánh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng đồng. Chị Nguyễn Thị Ánh T đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm.

Chiếc điện thoại của chị Nguyễn Thị Thu H cùng số tiền 400.000 đồng chị H để sau ốp điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được. Tại phiên tòa chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số: 24/CT-VKSBT ngày 12/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Phan Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Phan Thị L từ 18 - 24 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Phan Thị L phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thu H trị giá chiếc điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại.

Bị cáo nhất trí tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tại lời nói sau cùng, bị cáo trình bày đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị cáo rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài L trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Nguyễn Thị Ánh T, tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của bị hại này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án vắng mặt bị hại Nguyễn Thị Ánh T.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như các tài L, chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Bị cáo Phan Thị L đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Neo 9 cùng với số tiền 400.000 đồng để trong ốp điện thoại của chị Nguyễn Thị Thu H vào ngày 17/12/2018 và lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 của chị Nguyễn Thị Ánh T vào ngày 01/01/2019. Động cơ, mục đích của bị cáo là chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 7.849.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, gây khó khăn cho bị hại trong giao dịch, sinh hoạt, vừa ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nói chung. Bị cáo Phan Thị L mặc dù năm 2013 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 36 tháng tù về tội “Cuồng tài sản”, sau khi chấp hành xong hình phạt, đáng lẽ bị cáo phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để tích cực rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi

phạm tội trong vụ án này. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người có ý thức coi thường pháp luật ở mức độ cao, thiếu ý thức học tập, cải tạo để hoàn lương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích; trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hai lần, vì vậy, bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” và “Phạm tội hai lần trở lên” quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào nhân thân và tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù với mức án nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định, nhằm có đủ điều kiện và tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Thị Ánh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Bị hại Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do việc chiếc điện thoại di động Oppo Neo 9 của bị hại mà bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được cùng số tiền 400.000 đồng chị H để sau ốp điện thoại. Yêu cầu của bị hại Nguyễn Thị Thu H là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Phan Thị L phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thu H trị giá chiếc điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 3.048.000 đồng và 400.000 đồng tiền mặt chị H để sau ốp điện thoại. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 3.448.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Việc thu giữ và xử lý trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Ánh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng đồng của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật nên không phải xem xét thêm.

[8] Án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các điểm a, d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Thị L (tên gọi khác: D) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Phạt bị cáo Phan Thị L (tên gọi khác: D) 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “giữ người trong trường hợp khẩn cấp” là ngày 02/01/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Thị L (tên gọi khác: D) với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Phan Thị L (tên gọi khác: D) phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 3.448.000 đồng (Ba triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

4. Xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phan Thị L (tên gọi khác: D) phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để trả cho bên được thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) hoặc trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định (đối với người vắng mặt).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã K;
- Bị cáo, bị hại vắng mặt;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Xuân Diệu**

